| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGHĨA HÀNH**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 5 - 2019
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Lê Thị Thanh Chín;

+ Ông Ngô Văn Lâm

*Thư ký tòa án:* Ông Trần Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136 /2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Q, sinh năm: 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm: 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2018, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Q trình bày: Tôi và bà Lê Thị Bích N tự nguyện yêu thương nhau, ngày 30/3/2010, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bà N thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với tôi; thường xuyên ở tại nhà mẹ đẻ. Nay tôi thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu được ly hôn đối với bà N.

- Về con chung: Tôi và bà Lê Thị Bích N có một con chung tên Phạm Lê Như N1, sinh ngày 18/12/2010. Hiện nay, cháu N1 đang ở với bà N tại tổ dân phố D, thị trấn C, huyện T. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng giao cháu Như N1 cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tôi cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản trình bày ngày 12 tháng 01 năm 2019, bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2019, các phiên hòa giải bà Lê Thị Bích N trình bày: Tôi và anh Phạm Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện T vào ngày 30/3/2010. Về nguyên nhân mâu thuẫn như anh Q trình bày là không đúng, Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi không có mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng tôi vẫn chung sống bình thường với nhau. Nay anh Q yêu cầu ly hôn đối với tôi, tôi không đồng ý. Tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống, cùng làm ăn nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Tôi và anh Q có một con chung là Phạm Lê Như N1, sinh ngày 18/12/2010 hiện đang ở với vợ chồng tôi tại thôn E, xã R, huyện T.

Nếu Tòa án cho ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1 và mỗi tháng anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi và ông Q có tài sản chung là ngôi nhà cấp III, được xây dựng trên diện tích đất đứng tên ông Phạm T1 ở thôn E, xã R, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, tôi chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung:Không có.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Q đối với bà Lê Thị Bích N. Do vấn đề ly hôn không được chấp nhận nên các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết

Ông Phạm Q phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy anh Phạm Q và chị Lê Thị Bích N kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện T vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, theo đúng qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh Q chị N sống tại nhà Cha mẹ anh Q tại xã R, trong cuộc sống anh Q chị N đều thừa nhận anh chị không có mâu thuẫn, khoảng tháng 8/2010 do chị N sắp đến ngày sinh con nên chị N về mẹ đẻ của chị ở thị trấn C, huyện T để sinh con, sau khi sinh con do con còn nhỏ không có người trông nom,

chăm sóc con nhỏ (Do mẹ anh Q đã mất) nên có thời gian dài chị N phải nhờ mẹ chị trông, chăm sóc con cho chị để chị đi làm. Chị N khai nhận khi con chị N anh Q học mẫu giáo chị N vẫn phải nhờ mẹ chị trông nom, chăm sóc con cho vợ chồng chị, nhưng khi vào thời gian nghỉ buổi trưa, buổi chiều chị vẫn về nhà anh Q để lo nội trợ cho anh Q và gia đình. Hội đồng xét xử thấy việc anh Q xin ly hôn chị N nhưng chị N không đồng ý ly hôn vì theo chị hạnh phúc giữa chị và anh Q vẫn còn, vợ chồng không có mâu thuẫn còn anh Q cho rằng chị N không quan tâm lo lắng cho gia đình, hay ngủ qua đêm tại nhà mẹ của chị N hoặc ngủ ở đâu anh không rõ. Tại phiên tòa anh Q khai nhận giữa anh và chị N ngoài mâu thuẫn về việc chị N trong một tuần chỉ ngủ tại nhà anh 4 đêm, ban ngày chỉ ở nhà 2 -3 ngày còn thời gian còn lại chị N đi đâu, làm gì anh không biết, anh Q công nhận do công việc của chị N là hộ lý của Bệnh viện huyện T một tháng phải trực 5 đêm và có khi ban ngày cũng phải trực nhưng anh Q không đưa ra được căn cứ về việc chị N không chăm lo cho gia đình, còn chị N có căn cứ chị vẫn chăm lo cho gia đình việc này cha anh Q là ông Phạm T1 xác nhận, việc chị N thỉnh thoảng trong tuần có 1- 2 đêm hay thứ 7, chủ nhật không có ở nhà không về nhà ngủ được là vì chị N hiện là hộ lý tại Bệnh viện huyện T nên có khi phải trực đêm, trực thứ 7 hoặc chủ nhật và do mẹ chị N đã lớn tuổi ở một mình có khi đau ốm chị phải ở lại tối với mẹ chị để chăm sóc cho mẹ chị. Hội đồng xét xử thấy giữa chị N và anh Q không có mâu thuẫn với nhau, việc anh Q xin ly hôn với chị N với lý do chị N hay đi qua đêm, không lo cho gia đình việc này anh Q không chứng minh được nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề con chung, tài sản chung.

Ý kiến của đại diện VKS phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ**: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Căn cứ**: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Q đối với chị Lê Thị Bích N.

Về án phí: Anh Phạm Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004294 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự được có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
*- VKSND huyện T;*
*- Chi cục THADS huyện T;*
*- UBND xã R;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu HS, VT.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Hải Nam**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Chín Ngô Văn Lâm

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
# TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại phòng nghị án,
Hội đồng xét xử sơ thẩm sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Hải Nam
*Hội thẩm nhân dân*
1. Ông Ngô Văn Lâm .
2. Bà Lê Thị Thanh Chín**.**

Tiến hành nghị án vụ án vụ án dân sự thụ về việc : "*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*"; giữa:

*Nguyên đơn*: Anh Phạm Q, sinh năm: 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm: 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,**
**QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. **Quan hệ pháp luật**: "*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*"

- Biểu quyết: 3/3.

2. **Về điều luật áp dụng:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Căn cứ**: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3. **Về nội dung**

Tuyên bố: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Q đối với chị Lê Thị Bích N.

Về án phí: Anh Phạm Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp.

Các đương sự được có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Biểu quyết: 3/3.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây lập xong hồi 10 giờ 40 phút ngày 03 tháng 5 năm 2019, đọc lại cho tất cả cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Chín Ngô Văn Lâm Phạm Hải Nam